

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/DS-PT

Ngày: 24 – 6 – 2020

V/v: “**Tranh chấp quyền sử dụng đất**”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán:
Bà Đặng Thị Đồng;
Bà Trần Thị Kim Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLPT-DS, ngày 27 tháng 03 năm 2020, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 130/2020/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị X, sinh năm 1928; địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 50, ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 14-01-2014); có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Bích Th, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Văn Bá, công ty Luật TNHH MTV Lê Phương Nam – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Đinh Thế L, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Đinh Thế L: Chị Ngô Thị Bích Th, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 19-6-2015).

3.2. Ông Dương Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 50, ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.3. Bà Dương Thị L1, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số Y, khu phố 1A, đường TTH21, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Dương Văn H1, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số Z, đường Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Dương Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Ấp T N, xã T Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông H2, ông V, bà L1: Ông Dương Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ 50, ấp TH, xã TP huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 21-8-2014).

3.6. Bà Lìm Thị Nam P, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ 50, ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Vũ Thị X – nguyên đơn;

Chị Ngô Thị Bích Th – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-3-2015 của bà Vũ Thị X (nguyên đơn) và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Dương Văn H trình bày:

Bà Vũ Thị X và vợ chồng chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L là chòm xóm, láng giềng nhau. Bà X khởi kiện chị Th yêu cầu trả phần đất diện tích 275 m², đất có tứ cận: Đông giáp đất bà P dài 4,5 m; Tây giáp (đường 785) 05 m; Nam giáp đất ông B 58 m; Bắc giáp đất bà X 58 m; trong thửa 861, 769, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp TH, xã TP huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Diện tích đất này bà X đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Tân Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: giấy CNQSDĐ) số: A563480, ngày 15-01-1992. Nguồn gốc đất do bà X nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Thg, bà B1 vào năm 1979, với chiều ngang mặt tiền giáp đường 785 dài 50 m, chiều dài 58 m, việc chuyển nhượng có làm giấy tay (nay đã thất lạc). Khi chuyển nhượng thì đất này ông Thg, bà B1 chưa được Nhà nước cấp giấy CNQSDĐ. Trước đây ranh đất giữa bà X và ông B có 02 cây trụ lức và rào kẽm gai phân ranh. Năm 2008, bà X bệnh phải điều trị tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Văn T (con ông B) đã nhổ trụ ranh xây dựng hàng rào bao chiếm đất của bà X, sau đó ông T chuyển nhượng lại cho vợ chồng chị Th, anh L. Chị Th tiếp tục xây thêm hàng rào nối tiếp hàng rào ông T đã xây trước đó ra

đường 785. Nay bà X yêu cầu vợ chồng chị Th, anh L trả diện tích 275 m². Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng chị Th, anh L trả cho bà X diện tích đất 261 m².

Lời trình bày của ông Dương Văn V, ông Dương Văn H2, bà Dương Thị L1 (con bà X) có trong hồ sơ, thống nhất với lời trình bày của ông H và có cùng yêu cầu với bà X.

Lời trình bày của bà Lâm Thị Nam P: Bà là vợ ông H, bà thống nhất với lời trình bày của ông H, không trình bày gì thêm.

Lời khai của chị Ngô Thị Bích Th (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Th trình bày:

Hiện tại chị đang sử dụng hai thửa đất gồm: Thửa số 1805, tờ bản đồ số 01, diện tích 291m², được cấp giấy CNQSDĐ ngày 29-5-2013 và thửa số 91, tờ bản đồ số 16, diện tích 349,8 m², được cấp giấy CNQSDĐ ngày 06-12-2011 (hai thửa liền kề nhau). Nguồn gốc đất do chị nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Văn T vào tháng 10-2010, việc chuyển nhượng có làm hợp đồng, có công chứng chứng thực, hiện trạng đất khi nhận chuyển nhượng đã có nhà của ông T và hàng rào bao quanh đất nên chị không yêu cầu đo lại đất. Năm 2015, chị xây hàng rào nối tiếp hàng rào cũ thẳng ra đường để làm cổng thì ông H (con bà X) cho rằng trước đây ông T lấn đất bà X nên bây giờ vợ chồng chị phải trả, chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà X, vì khi đo lại đất thì đất chị còn thiếu so với diện tích được cấp. Trong thời gian sử dụng ranh đất giữa chị và đất bà X vẫn còn nguyên, không thay đổi.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 130/2020/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 100, 203 của Luật Đất đai; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L.

- Buộc chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L trả lại cho bà Vũ Thị X số tiền 54.659.439 (năm mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi chín) đồng (trị giá 60,7 m² đất) và 8.000.000 (tám triệu) đồng tiền chi phí đo đạc. Tổng cộng 62.659.439 (sáu mươi hai triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi chín) đồng.

- Chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L được sử dụng diện tích đất có hình tam giác, một cạnh giáp đường 785 dài 2,4 m, một cạnh giáp đất bà Vũ Thị X dài 50,6 m, một cạnh giáp đất chị Th, anh L dài 50,6 m. Tổng diện tích 60,7 m².

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị X về việc yêu cầu chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L trả thêm diện tích đất có tứ cận: Đông giáp đất bà X 04m; Tây giáp đường 785 dài 2,6 m; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn B dài 58 m; Bắc giáp đất bà Vũ Thị X dài 58 m; tổng diện tích 191,4 m².

Ngoài ra còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, chị Th kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lý do đất chị thiếu diện tích mà cấp sơ thẩm buộc trả cho bà X bên dư đất.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, bà X kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử không khách quan gây thiệt hại cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông H (đại diện bà X) yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X, bà X khởi kiện tranh chấp 275 m² nhưng cấp sơ thẩm chỉ giải quyết 60,7 m² và thanh toán giá trị quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật.

- Chị Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư Lê Văn Bá là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Th trình bày: Đất chị Th nhận chuyển nhượng hợp pháp và hàng rào được xây dựng từ rất lâu. Đất bà X hiện tại dư 171.1 m², hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho bà X thiếu đơn đăng ký kê khai và cũng không có cơ sở xác định chiều ngang đất dài 50 m. Không có chứng cứ chứng minh ông T nhỏ trụ ranh lần đất của bà X. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

- Ông H trình bày: Ông và gia đình ông cũng không thấy ông T nhỏ trụ ranh lần đất của bà X, hàng rào chị Th xây dựng nối tiếp với hàng rào cũ xây thẳng hướng ra đường. Tuy nhiên, ông nhận thấy đất mẹ ông khi nhận chuyển nhượng của ông Thg, bà B1 mặt tiền giáp đường 785 dài 50 m, các cạnh mỗi bên 58 m, nay mặt tiền chỉ còn 45 m thiếu 05 m, hậu cuối thiếu 04 m nên mẹ ông khởi kiện chị Th đòi đất.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: **Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Th. Không chấp nhận kháng cáo của bà X. Căn cứ Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện**

tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị X đối với chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà Vũ Thị X, chị Ngô Thị Bích Th, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà X yêu cầu chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L trả phần đất bị lấn chiếm diện tích 261 m². Ông H cho rằng chủ đất cũ là ông T vào năm 2008 (trước khi chuyển nhượng cho vợ chồng chị Th) đã nhổ trụ ranh đất bà X và xây hàng rào lấn chiếm. Chị Th, anh L cho rằng không có lấn đất nên không đồng ý trả.

[3]. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

[3.1]. Đất bà Vũ Thị X đang sử dụng diện tích đất 24.720 m², thửa số 861, 769, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp TH, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Diện tích đất này đã được UBND huyện Tân Châu cấp giấy CNQSDĐ số: A563480, ngày 15-01-1992. Đất chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L đang sử dụng gồm thửa đất số 1805, tờ bản đồ số 01, diện tích 291 m², được cấp giấy CNQSDĐ ngày 29-5-2013 và thửa số 91, tờ bản đồ số 16, diện tích 349,8 m², được cấp giấy CNQSDĐ ngày 06-12-2011 (hai thửa liền kề nhau), tổng diện tích được cấp giấy 640,8 m².

[3.2]. Tại Công văn số: 374/VPĐKĐĐ, ngày 30-11-2015 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Tân Châu trả lời về trình tự cấp giấy CNQSDĐ cho bà Vũ Thị X và chị Ngô Thị Bích Th là đúng quy định pháp luật nhưng qua đo đạc thực tế của Công ty TNHH Trắc địa và Bản đồ Miền Nam ngày 17-6-2015 thể hiện đất bà Vũ Thị X đang sử dụng tại thửa 861, diện tích 12.388,4 m² và thửa 769, diện tích 12.502,7 m²; tổng diện tích 24.891,1 m², so với giấy CNQSDĐ được cấp thửa diện tích 171,1 m²; đất chị Th sử dụng tại thửa 91, 1805, diện tích 473,9 m², so với giấy CNQSDĐ được cấp thiếu diện tích 166,9 m².

[3.3]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện: Vào năm 2008, trước khi chuyển nhượng cho chị Th, ông T đã được cha mẹ là ông B, bà Đ tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 640,8 m² thuộc hai thửa 91, 1805 vào ngày 13-7-2009, trên đất có nhà của ông B. Ông T đã được cấp giấy CNQSDĐ vào ngày 07-9-2009, đã xây hàng rào năm 2008, ông H (đại diện bà X) trình bày: “Ông biết ông T nhổ trụ lấn đất xây rào vào năm 2008 nhưng anh và gia đình không ai phản đối, do mẹ anh bệnh, sau khi mẹ xuất viện thì ông bận làm rẫy nên không khiếu nại tranh chấp gì cả”. Điều đó cho thấy, ranh giới đất giữa ông T và bà X đã được các bên thừa nhận từ khi ông T xây hàng rào năm 2008,

phù hợp quy định tại Điều 265 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Năm 2011, ông T chuyển nhượng nhà đất cho chị Th, anh L. Năm 2015, chị Th tiếp tục xây tường rào nối tiếp hàng rào cũ mà ông T đã xây trước đó, xây ra đường 787 để làm công rào, nay bà X khởi kiện chị Th tranh chấp. Cấp sơ thẩm căn cứ vào việc áp bản đồ 299 và lập luận khi cấp giấy CNQSDĐ cho chị Ngô Thị Bích Th không có sự xác nhận của các chủ đất giáp ranh là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục cấp giấy đã kết luận chị Th lấn chiếm đất bà X diện tích 60,7 m² và buộc chị Th phải thanh toán giá trị đất số tiền 54.659.439 đồng là không có căn cứ; bởi lẽ:

- Tại Công văn số: 1386/UBND ngày 24-11-2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu trả lời Công văn số 193/TA, Công văn số 17/TA của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu là hiện trạng ranh thửa đất 861, 769 của bà X và thửa 1805 của chị Th không xác định được do bản đồ không ảnh không chính xác (Bút lục 161, 162);

- Tại Công văn số: 34/UBND ngày 14-9-2015 của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Tân Châu xác định thửa đất 1805, diện tích 291 m², tờ bản đồ số 01 được tách từ thửa gốc 862, tờ bản đồ số 01 do ông Nguyễn Văn B sử dụng đứng vị trí tặng cho ông Nguyễn Văn T. Tại hồ sơ điều chỉnh biến động khi ông B tặng cho ông T thể hiện thửa 91, diện tích 349,8 m², tờ bản đồ số 16 được tách từ thửa gốc số 54, tổng diện tích 1771 m², do ông Nguyễn Văn B tách cho ông T có xác nhận của Văn phòng Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Tân Châu xác nhận ngày 03-9-2009.

- Không có căn cứ xác định đất bà X đang sử dụng có chiều ngang giáp đường 785 dài 50 m. Bà B1 trình bày, khi chuyển nhượng đất cho bà X vào năm 1979, bà và bà X đo đất bằng thủ công (đo bằng cây độ khoảng 01 m, đo 50 cây) hiện trạng đất thời điểm đó là rừng, bụi, chưa có đường giao thông;

- Đất bà X đang sử dụng so với giấy CNQSDĐ được cấp thừa diện tích 171,1 m²; trong khi đất chị Th anh L đang sử dụng so với giấy CNQSDĐ được cấp thiếu diện tích 166,9 m²;

- Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho bà X không có giấy tờ xác nhận nguồn gốc đất;

- Tại phiên tòa ông H trình bày, ông không thấy ông T nhờ trụ ranh lấn đất của bà X, hàng rào chị Th xây dựng nối tiếp với hàng rào cũ, xây thẳng hướng ra đường mà chỉ thấy đất thiếu chiều ngang nên kiện chị Th.

Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà X là không có căn cứ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà X. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Th; sửa án sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Tiền chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị X phải chịu, ghi nhận đã thanh toán ở cấp sơ thẩm xong.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thị X là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí (bổ sung tại cấp phúc thẩm) nên được miễn án phí theo điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[7]. Về án phí phúc thẩm: Bà X được miễn án phí dân sự phúc thẩm; chị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 130/2020/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị X;

- Chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị Bích Th.

- Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị X và các con bà X là ông Dương Văn V, ông Dương Văn H1, bà Dương Thị L1, ông Dương Văn H, bà Lìm Thị Nam P đối với chị Ngô Thị Bích Th, anh Đinh Thế L.

2. Về chi phí tố tụng khác: Bà Vũ Thị X phải chịu số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản, (ghi nhận đã thanh toán xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Vũ Thị X số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007473 ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Châu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Chị Ngô Thị Bích Th không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả chị Th số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo Biên lai thu số: 0000011 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Châu.

- Bà Vũ Thị X được miễn án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà Vũ Thị X số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo Biên lai thu số: 0000019 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Châu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND huyện Tân Châu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm